

Nguyên nhân sự vùng dậy của Fulro ở Buôn Sarpa 20-9-1964

Dominique Nguyen
(Chương trình thế giới Mã Lai-Đông Dương)

Vào những năm 1964-1975, một lực lượng vũ trang đã từng giữ một vai trò trọng yếu trên bàn cờ chính trị Đông Dương đó là *Fulro*¹, chủ viết tắt của Front Unifié de Lutte des Race Opprimées (Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Các Dân Tộc Bị Áp Bức). Sau 30-04-1975, cũng là năm đánh dấu cho sự sụp đổ chế độ chính trị ở miền Nam Việt Nam, *Fulro* lại trở thành một cốt truyện ly kỳ mà báo chí trong nước và ngoài nước thường nhắc đến.

Fulro có một nguồn gốc sâu xa, phát xuất từ sự vùng dậy của dân tộc Champa ở miền Trung Việt Nam. Khu vực đồng bằng có dân tộc Chăm và vùng Cao Nguyên gồm có nhiều sắc dân: Jarai, Radé, Bahnar, Sédang, Chru, Raglai, Kaho, Stieng, Mạ, v.v.².

Hơn 10 năm tranh đấu, *Fulro* đã để lại một di sản lịch sử hiện đại đã từng làm đảo lộn bàn cờ chính trị ở Đông Dương thời đó. Năm

¹ Conférence des peuples indochinois, *FULRO. Historique*. Phnom-Penh, 25 Février 1965; N.C. Labrie, *Fulro, The history of political tention in the South Vietnamese Highlands*. (Ph.D) 1971; Y Chon Mlo Duon Du, "«Quan niệm về nếp sống của đồng bào Thượng và anh em FULRO». *Nguyệt San Thượng Vụ*, số 3, 1966; Hickey, G.C. *Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1945-1976*. Yale University Press, 1982 est l'ouvrage de plus documenté.

² Gay, B. Vue nouvelle sur la composition ethnique du Campa. *Actes du sâminaire sur le Campa*, CHCPI, Paris, 1988, tr. 49-58; Po Dharma, *Le Panduranga (Campa Ses rapports avec le Vietnam (1802-1835)*. Publication de l'EDEO (deux volumes), 1987.

2004 cũng là năm kỷ niệm 40 năm của sự vùng dậy tại Buôn Sarpa. Đây là một biến cố quan trọng mà chúng tôi muốn trình bày ở đây.

*

Hai nguồn tư liệu mà chúng tôi khai thác để viết bài tiểu luận này đó là tư liệu của mặt trận *Fulro* và những tư liệu đã xuất bản. Riêng về tư liệu của mặt trận *Fulro*, chúng tôi chỉ dựa vào bài viết mang tựa đề «Lịch sử Bajaraka-Fulro» của Po Dharma sắp đăng trong *Champaka* số 5 và sẽ ra một ngày gần đây.

Nhân dịp này, chúng tôi xin tri ân ông Po Dharma đã đứng ra hướng dẫn chúng tôi về phương thức nghiên cứu khoa học, cung cấp hàng loạt tư liệu về *Fulro*, nhất là góp ý kiến và bổ xung những gì còn thiếu sót trong bài tiểu luận của chúng tôi. Không có sự hỗ trợ tinh thần cũng như khoa học của Po Dharma, chúng tôi tin rằng bài tiểu luận này vẫn còn là một dự án không bao giờ được xuất bản.

Lịch sử miền Trung Việt Nam trước năm 1954

Những văn kiện lịch sử đã chứng minh rằng, kể từ thế kỷ thứ 2 đã có sự hiện diện ở miền Trung Việt Nam một vương quốc hùng mạnh được mang tên là Champa.

Lãnh thổ Champa bao gồm cả vùng đồng bằng và khu vực Cao Nguyên, chạy dài từ Quảng Bình đến biên giới Sài Gòn. Champa là một vương quốc đa chủng gồm nhiều sắc tộc chia làm hai hệ ngôn ngữ. Hệ ngôn ngữ Austronesian gồm có các sắc dân Jarai, Radê, Churu, Raglai, Hroi, Chăm. Hệ ngôn ngữ Austroasiatique gồm có các sắc dân Bahnar, Sédang, Stieng, Mạ, v.v.³

Hôm nay, vương quốc Champa không còn nữa, nhưng dân tộc Champa vẫn còn đó. Hơn 800.000 người sống trên Cao Nguyên và 100.000 người Chăm ở vùng đồng bằng Phan Rang, Phan Rí, chưa tính hơn 400.000 người Chăm lưu lạc ở Cao Miên, khu vực Châu Đốc và Tây Ninh⁴.

³ Gay, 1988: 49-58.

⁴ Hickey, 1967; Nguyễn Trắc Di, 1969a:11.

Gần nửa thế kỷ sau ngày mất nước vào năm 1832, dựa trên Hiệp Ước Harmand mà chính phủ toàn quyền Pháp tại Đông Dương được ký kết với triều đình Huế vào ngày 25 tháng 8 năm 1883, các dân tộc thiểu số thuộc tỉnh Bình Thuận và khu vực Đồng Nai (Chăm, Churu, Raglai Kaho, Stieng, Mạ, v.v.), không còn là công dân Việt Nam nữa, ngược lại họ trực thuộc vào chính phủ Pháp ở Nam Kỳ (Basse Cochinchine) và được hưởng một chế độ đặc biệt gọi là quy chế Harmand⁵. Mọi thuế má, luật lệ và hành chính áp dụng viết bằng tiếng Chăm và Pháp thay vì tiếng Hán. Quy chế này vẫn còn duy trì dưới thời Dương Tấn Phát còn làm huyện trưởng cho đến năm 1954⁶. Từ ngày vương quốc Champa bị tiêu diệt vào năm 1832, Cao Nguyên (Gia Lai, Kontum, Đắc Lắc và Lâm Đồng) ở miền Trung Việt Nam trở thành một lãnh thổ “no man's land”, tức là khu vực không đặt dưới quyền cai trị của bất cứ chính quyền nào. Dân tộc Cao Nguyên thời đó sống hoàn toàn độc lập trong truyền thống văn hóa và tín ngưỡng của họ, không va chạm với bất cứ ai và cũng không hề thấy bóng dáng bất cứ người ngoại quốc nào kể cả người Kinh trên lãnh thổ của mình.

Năm 1891 đánh dấu bước chân đầu tiên của Pháp lên Cao Nguyên. Một khi đã nhận diện rằng đây không phải là đất đai của triều đình Huế, chính quyền Pháp ở Đông Dương sát nhập Cao Nguyên vào lãnh thổ hành chính của mình và phát triển khu vực Cao Nguyên theo truyền thống của nó. Sau đệ nhị thế chiến 1945, Cao Nguyên trở thành một khu vực chiến lược quân sự giữa quân đội Pháp và Việt Minh. Nhằm bảo đảm an ninh và phát triển khu vực này, chính quyền Pháp ký một nghị định vào ngày 27 tháng 5 năm 1946 biến Cao Nguyên thành một lãnh thổ tự trị mang tên là “Pays Montagnard du Sud Indochinois” viết tắt là PMSI (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương) đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của chính phủ toàn quyền Pháp ở Đông Dương⁷.

Khu vực Pays Montagnard du Sud-PMS (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương) có một quy chế hành chính, tòa án phong tục và nền giáo dục riêng dành cho sắc tộc Cao Nguyên. Nhằm nâng cao giới trí thức để về sau họ tự đảm đương khu vực tự trị của họ, Pháp bắt đầu

⁵ Aymonier, 1885:139.

⁶ Taboulet, 1955: 807; Aymonier, 1885: 58; Hickey, 1982b: 204.

⁷ Vinh Lộc, 1965: 82; Nguyễn Trắc Di, 1969a:14.

đưa hàng loạt con em gốc Cao Nguyên và Chăm vô trường trung học cấp 2 Sabatier ở Buôn Mê Thuật và trường trung học cấp 3 Yersin ở Đà Lạt. Xuất thân từ hai trường Sabatier và Yersin, các học sinh này tập trung thành một lực lượng trí thức thiểu số có một ý thức hệ chính trị vô cùng rõ rệt về nguồn gốc dân tộc, về chủ quyền đất đai của họ. Một khi đã nhận diện rõ ràng về nguồn gốc lịch sử của dân tộc mình, các giới trí thức thiểu số này bắt đầu phát huy phong trào ái quốc nhằm bảo vệ cho sự sống còn của dân tộc họ mà người Kinh thường gọi là “hời, mọi” hay “mán, mường”, hai cụm từ mang ý nghĩa khinh miệt và chê bai⁸.

Ngoài chương trình giáo dục, chính quyền Pháp cũng đầu tư hàng loạt vào dự án kinh tế và giao thông ở Cao Nguyên. Chỉ trong vòng mấy năm, Pays Montagnard du Sud-PMS (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương) trở thành một khu vực trù phú và an bình. Vì sợ mai sau Pháp sát nhập Cao Nguyên vào lãnh thổ của mình ở Nam Kỳ (Basse Cochinchine), Hoàng Đế Bảo Đại yêu cầu Pháp phải thừa nhận quyền sở hữu đất đai này thuộc về triều đình Huế. Vì không còn cách nào để từ chối, chính quyền Pháp ở Đông Dương chấp nhận ký một hiệp ước ngày 21 tháng 5 năm 1951 công nhận Pays Montagnard du Sud-PMS (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương) là *Domaine de la Couronne* (tức là Hoàng Triều Cương Thổ). Đây là một qui chế đặc biệt công nhận khu vực Cao Nguyên là đất đai của triều đình Huế, có nghĩa là không ai có quyền bán nhượng cho một quốc gia khác mà không có sự đồng ý của Hoàng Đế Bảo Đại. Ngược lại, Pháp có quyền cai quản khu vực này theo quy chế hành chánh hiện hành của chính phủ Pháp ở Đông Dương, hay nói một cách khác, Cao Nguyên là khu vực tự trị nằm trong cơ chế hành chánh của Pháp.

Nhằm bảo vệ các sắc tộc thiểu số được phát triển bền vững trong truyền thống cổ truyền của nó, chính quyền Pháp cấm hẳn sự di dân người Kinh vào khu vực này. Một bằng chứng cụ thể vào năm 1953, chỉ có khoảng 35.000 người Kinh sống trên Cao Nguyên chạy dài từ khu vực Gia Lai, Kontum, Đắc Lắc đến Lâm Đồng, đa số người Kinh này là nhân viên công chức làm việc trong hành chánh của Pháp⁹.

⁸ Hickey, 1982b.

⁹ Minh Túy, 1962: 28-29; U.S. Army, 1967: 322.

Sau ngày ra đời của hiệp định Genève 1954

Hơn 18 thế kỷ nằm trong quy chế chính trị của vương quốc Champa và hơn 60 năm dưới chế độ Pháp thuộc, dân tộc Cao Nguyên sống hoàn toàn biệt lập trong biên giới riêng tư và theo phong tục tập quán truyền thống của mình. Họ chưa từng thấy người Kinh là ai và chưa từng nghe người Kinh nói tiếng gì, một dân tộc mà họ chỉ gọi là người “Yuon”, hay Yavana của Phạn ngữ, có nghĩa là dân ngoại quốc, không cùng văn hóa với mình.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, hiệp định Genève ra đời chia Việt Nam thành hai miền riêng biệt. Miền Bắc theo Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, miền Nam trở thành Việt Nam Cộng Hòa đặt dưới quyền lãnh đạo của Ngô Đình Diệm.

Chính sách dân tộc thiểu số của Ngô Đình Diệm

Một khi lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm, không cần tham khảo bất cứ ai, quyết định xóa bỏ chế độ “Hoàng Triều Cương Thổ” dành cho dân tộc Cao Nguyên và “Quy Chế Harmand” dành cho dân tộc Chăm ở đồng bằng Phan Rang, Phan Rí. Sau đó, Ngô Đình Diệm sát nhập hai khu vực này vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, biến danh xưng dân tộc Cao Nguyên thành một tên gọi mới là người “Thượng”. Đồng bào “Thượng” này nhập chung với người Hoa, Cao Miên và Chăm thành một cộng đồng riêng gọi là «dân tộc thiểu số»¹⁰.

Sau ngày hiệp định Genève 1954, hơn 900.000 người Kinh miền Bắc sang lánh nạn ở miền Nam. Ngô Đình Diệm đưa hàng trăm ngàn người Việt di cư này sang lập nghiệp ở Cao Nguyên và khu vực Phan Rang, Phan Rí. Sự hiện diện quá đông đảo của người Kinh trong hai khu vực này đã làm đảo lộn hoàn toàn địa bàn dân cư, cơ cấu văn

¹⁰ Hickey, 1982b: XIV.

hóa và xã hội của dân tộc Cao Nguyên và Chăm ở Phan Rang, Phan Rí¹¹.

Cùng sau hiệp định Genève, dân tộc thiểu số Cao Nguyên và Chăm không còn làm chủ đất đai và truyền thống văn hóa của họ nữa. Định mệnh tương lai của họ hoàn toàn nằm trong tay của chính quyền Sài Gòn, một chế độ chỉ xem dân tộc thiểu số là một cộng đồng man rợ, «mà đời sống tinh thần lẫn vật chất còn quá thấp kém»¹², hay họ chỉ là những «công nhân ngoại lệ» của Việt Nam, vì họ không phải là người Kinh¹³.

Theo Nguyễn Ngọc Thơ, phó tổng thống Việt Nam thời đó, «Ngô Đình Diệm tìm đủ mọi cách để tách rời dân tộc Cao Nguyên và Chăm ra khỏi ảnh hưởng của Pháp. Ngô Đình Diệm cũng thường nhấn mạnh rằng dân tộc Cao Nguyên rất thông minh, có thể biến họ thành người Việt dễ dàng hơn nếu chính phủ Sài Gòn đưa ra một chính sách đồng hoá triệt để dân tộc này. Nhưng phải coi chừng dân tộc Rhadé, vì họ có máu Chăm, và có thể vùng dậy bất cứ lúc nào để đòi quyền lợi»¹⁴.

Cùng vào năm 1954 Pháp từ giả Đông Dương, Ngô Đình Diệm trở về làm chủ miền Nam. Một khi lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm áp dụng một chính sách mới đối với dân tộc thiểu số hoàn toàn đi ngược lại với chủ trương của Pháp và nguyện vọng của dân tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam. Có chăng đây là khúc quanh của lịch sử tạo ra các biến cố liên quan đến cuộc vùng dậy dân tộc Cao Nguyên và Chăm, với mục đích để bảo vệ quyền sống, quyền làm chủ đất đai, quyền phát triển tiếng nói và phong tục tập quán của họ.

Khởi đầu đấu tranh của dân tộc Cao Nguyên

Năm 1955 là năm đánh dấu tiếng chuông báo hiệu sự vùng dậy của dân tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam. Vì bị tước bỏ mọi quyền làm chủ đất đai, cơ cấu tổ chức kinh tế, xã hội và tín ngưỡng của mình,

¹¹ Minh Túy, 1962: 28-29; U.S. Army, 967: 322.

¹² Nguyễn Trắc Di, 1969a: 11.

¹³ Buttinger, 2, 1967: 900; Hickey, 1982: 17.

¹⁴ Hickey, 1982: 7.

các giới trí thức Cao Nguyên mà đa số xuất thân từ trường Pháp, bắt đầu nhóm họp để thảo luận về sự sống còn của họ dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Đầu năm 1955, giới trí thức này quyết định thành lập một tổ chức với tên gọi «Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên». Y Mot Nie Kdam được bầu làm chủ tịch mặt trận, Y Thih Eban làm tổng thư ký¹⁵. Sau ngày hình thành, Y Thih Eban viết một văn thư đầu tiên gửi cho Ngô Đình Diệm vào tháng 3 năm 1955, nhằm trình bày nguyện vọng của dân tộc Cao Nguyên gồm 3 yêu sách sau đây:

1. Tôn trọng phong tục tập quán và truyền thống tín ngưỡng của dân tộc thiểu số.
2. Áp dụng chính sách công bằng giữa dân tộc thiểu số và người Kinh.
3. Trao trả tất cả đất đai của dân tộc thiểu số do người Kinh hay chính phủ Sài Gòn trưng dụng¹⁶.

Chẳng những không trả lời cho những yêu sách của dân tộc Cao Nguyên, Ngô Đình Diệm sau khi đắc cử tổng thống của Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam vào ngày 23 tháng 10 năm 1955, quyết định áp dụng những biện pháp độc đoán đối với dân tộc thiểu số:

1. Phủ nhận quyền đất đai của họ.
2. Bãi bỏ tòa án phong tục tập quán.
3. Cấm việc dạy tiếng dân tộc thiểu số.
4. Đưa hàng trăm ngàn người Kinh lên Cao Nguyên chiếm đất đai sinh sống¹⁷.

Vụ ám sát Ngô Đình Diệm

Không còn giải pháp, dân tộc Cao Nguyên chỉ biết đi tìm con đường bạo động để trình bày nguyện vọng của mình. Nhân dịp có sự hiện diện của Ngô Đình Diệm trong buổi lễ ở Buôn Mê Thuột vào ngày 22 tháng 2 năm 1957, một cán bộ của “Mặt trận giải phóng dân tộc Cao Nguyên” đứng ra chia súng ám sát Ngô Đình Diệm trước mặt hàng trăm quan khách, nhưng viên đạn lại trúng ông Bộ Trưởng Canh Nông của chính phủ Sài Gòn. Vụ ám sát này đã đưa chính phủ Sài

¹⁵ Hickey, 1982b: 50.

¹⁶ Hickey, 1982b: 51.

¹⁷ Nguyễn Trắc Di, 1969a: 13; Hickey, 1982b: 10.

Gòn áp dụng một biện pháp khắc khe để truy nã và dập tắt phong trào này. Thế là hàng ngàn thành viên của “Mặt trận giải phóng dân tộc Cao Nguyên” lui về bóng tối để củng cố nội bộ của mình¹⁸.

Đầu năm 1958, “Mặt trận giải phóng dân tộc Cao Nguyên” quyết định thành lập một ủy ban điều hành mới. Y Bham Enoul được bổ nhiệm làm chủ tịch. Trong giai đoạn đầu, “Mặt trận giải phóng dân tộc Cao Nguyên” chỉ đặt trọng tâm vào chương trình nghiên cứu và định hướng một chiến lược mới nhằm đưa toàn diện dân tộc Cao Nguyên vào một tổ chức chung, một chính sách đấu tranh chung phù hợp với nguyện vọng chung¹⁹.

Sự ra đời của Bajaraka

Ngày 1 tháng 5 năm 1958, ban chấp hành của “Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên” quyết định thay đổi danh xưng của tổ chức thành một phong trào mới mang tên là *Bajaraka* (chữ viết tắt của Bahnar + Jarai + Radé + Kaho), tức là một lực lượng chính trị đấu tranh bất bạo động có mục tiêu chính yếu đó là yêu cầu Ngô Đình Diệm tái lập quy chế “Hoàng Triều Cương Thổ” và chấm dứt mọi chính sách bất công đối với dân tộc thiểu số²⁰. Hai tháng sau, tức là ngày 25 tháng 7 năm 1958, Y Bham Enoul cùng 16 chữ ký của thành viên *Bajaraka* gửi một văn thư cho tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, Đại Sứ Mỹ, Pháp, Anh, v.v. ở Sài Gòn yêu cầu can thiệp với Ngô Đình Diệm nhằm tái lập quy chế tự trị ở Cao Nguyên²¹. Một tháng sau, tức là ngày 8 tháng 9 năm 1958, Y Bham Enoul, với tư cách là chủ tịch phong trào *Bajaraka*, gửi một văn thư chính thức cho tổng thống Ngô Đình Diệm, yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải có một chính sách mới đối với dân tộc thiểu số. Y Dhor Adrong và Y Mot Nie là người trách nhiệm đem thư này đến Sài Gòn²². Sau khi nhận được văn thư, Ngô Đình Diệm ra lệnh truy nã và đưa các thành viên của *Bajaraka* là ông Paul Nur, Y Thih Eban, Y Bham Enoul, Y Ju Eban và Nay Luett vào

¹⁸ Hickey, 1982b: 21.

¹⁹ Hickey, 1982b: 54.

²⁰ *Extraits de l'histoire...1956: 7-10; Hickey, 1982, 54; Nguyễn Trắc Di, 1969a: 14.*

²¹ Vinh Lộc, 1965: 37-38; Nguyễn Trắc Di, 1969a: 15; Hickey, 1982b: 57.

²² Vinh Lộc, 1965: 43-44.

ngục giam. Chỉ có Y Bih Aleo, bị bắt nhưng được trả tự do sớm hơn, vì ông ta không phải là thành viên tích cực của phong trào này²³.

Ngày 26 tháng 11 năm 1958, hàng loạt tin đồn cho rằng dân tộc Cao Nguyên sẽ vùng dậy tấn công ngục giam để giải phóng các thành viên *Bajaraka* bị bắt. Ngô Đình Diệm quyết định đưa ông Y Bham Enoul về trại giam ở Huế và một số thành viên *Bajaraka* khác về trại giam ở Sài Gòn, chuyển các công chức dân sự và quân sự gốc thiểu số tình nghi có liên hệ với phong trào *Bajaraka* ra khỏi khu vực Cao Nguyên để làm việc ở các tỉnh khác²⁴.

Sự ra đời của hai mặt trận giải phóng ở Cao Miên

Cùng trong một thời gian, lợi dụng tình hình chính trị bất ổn định ở Việt Nam, các giới trí thức người Khmer gốc Kampuchia Krom và người Chăm ở Kampuchia cùng vùng dậy đòi đất đai của họ bị Việt Nam chiếm đóng trong những đợt Nam Tiến. Phong trào ái quốc này là khởi điểm của sự ra đời 2 mặt trận cùng một lúc, đó là:

- «Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Krom» (lãnh thổ Cao Miên từ Sài Gòn đến Cà Mau).

- «Mặt Trận Giải Phóng Champa» do trung tá Les Kosem lãnh đạo²⁵.

Nối gót nhóm ái quốc Khmer và Chăm ở Cao Miên, Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam cũng tổ chức một đại hội vào ngày 19 tháng 5 năm 1961, tập trung 23 lãnh tụ Cao Nguyên để thành lập một Ủy Ban Dân Tộc Tây Nguyên Tự Trị. Y Bih Aleo, cựu thành viên *Bajaraka* gốc Radé được bổ nhiệm làm chủ tịch ủy ban này²⁶.

Sự ra đời của Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị đặt dưới quyền bảo trợ của chính quyền Hà Nội đã đưa Mặt Trận Giải Phóng Champa vào một khúc quanh mới. Không thể để khu vực Cao Nguyên bị lôi kéo vào ảnh hưởng của Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị do Hà Nội chủ trương, trung tá Les Kosem bắt đầu tìm mọi cách để chinh phục dân tộc Cao Nguyên tham gia vào tổ chức Champa của mình, nhất là làm

²³ Nguyễn Trắc Di, 1969a: 15; Hickey, 1982b: 58.

²⁴ Hickey, 1982b: 58.

²⁵ Nguyễn Trắc Di, 1969b: 19-20; Hickey, 1982b: 62.

²⁶ Vinh Lộc, 1965: 45; Ngôn Vinh, *Fulro*: 17.

thế nào Y Bham Enoul được ra khỏi ngục giam để rồi đưa ông ta sang Kampuchia lánh nạn. Ngày 16 tháng 2 năm 1962, nhân dịp mở màn cho đại hội khóa 1 của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, Les Kosem liên lạc với Y Bih Aleo để biết tin tức về Y Bham Enoul²⁷.

Ngày 1 tháng 5 năm 1962, Y Thih Eban từ trong ngục giam viết một bức thư cho đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn yêu cầu ông ta can thiệp với Ngô Đình Diệm trao trả tự do cho tất cả thành viên *Bajarak*a hiện đang giam giữ. Kết quả là ngày 18 tháng 8 năm 1962, Ngô Đình Diệm quyết định trao trả tự do cho 5 thành viên *Bajarak*a đó là Y Thih Eban, Nay Luett, Toneh Yoh, Siu Sipp, Y Ju Eban. Ngược lại Ngô Đình Diệm không chấp nhận giải quyết hồ sơ của Y Bham Enoul và Paul Nư²⁸.

Tháng 6 năm 1963, Y Thih Eban nhậm chức ở Buôn Sarpa, một căn cứ quân sự của lực lượng đặc biệt Mỹ gần biên giới Kampuchia mà đa số là thành viên của *Bajarak*a. Tại Buôn Sarpa, Y Thih Eban tập hợp cán bộ *Bajarak*a và giao cho thiếu úy Y Nam Eban trách nhiệm lãnh đạo quân sự và Y Klong Nie (gốc Mnong-Lào) liên lạc viên với cấp lãnh đạo Kampuchia, nhất là trung tá Les Kosem hầu tìm giải pháp đưa Y Bham Enoul ra khỏi ngục giam. Sau ngày gặp gỡ với Y Klong Nie ở thủ đô Nam Vang, Les Kosem hứa là sẽ dành cho Y Bham Enoul và thành viên *Bajarak*a một sự đón tiếp nồng hậu nếu Y Bham sang Kampuchia²⁹.

Cùng trong tháng 6 năm 1963, trung tướng Nguyễn Khánh, tổng tư lệnh vùng II chiến thuật gọi ông Y Sen Nie Kdam (gốc Radé), nhân viên an ninh, sang Cao Miên gặp trung tá Les Kosem hầu biết tin tức về đại tá Nguyễn Chánh Thi, phi công oanh tạc dinh độc lập vào năm 1960 hiện đang lưu vong ở Kampuchia dưới sự bảo trợ của Les Kosem³⁰. Nhân dịp này, Les Kosem đề nghị nếu trung tướng Nguyễn Khánh trao trả tự do cho Y Bham Enoul thì ông ta sẽ bảo vệ tánh mạng cho đại tá Nguyễn Chánh Thi trong thời gian ông ta lưu vong ở vương quốc Cao Miên³¹.

²⁷ Tư liệu Fulro: 2-62.

²⁸ Hickey, 1982b: 83.

²⁹ Hickey, 1982b: 86.

³⁰ Hickey, 1982b: 88 và 91.

³¹ Tư liệu Fulro: 6-63.

Hai tháng sau, quốc trưởng Cao Miên, Norodom Sihanouk quyết định vào ngày 27 tháng 8 năm 1963 chấm dứt mọi liên hệ ngoại giao với chính quyền Sài Gòn mà Cao Miên liệt kê vào «tội phạm tiêu diệt dân tộc Kampuchia Krom»³². Sau đó, Norodom Sihanouk bổ nhiệm trung tá Les Kosem đặc trách ủy ban phát triển lực lượng đấu tranh ở Việt Nam chống lại chế độ Sài Gòn. Kể từ đó, Les Kosem có nhiều quyền lực trong tay để đẩy mạnh các phong trào đấu tranh, nhất là Mặt Trận Giải Phóng Champa mà Sihanouk là người đỡ đầu³³.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, năm tướng lĩnh Việt Nam Cộng Hòa, Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Trần Thiện Khiêm và Tôn Thất Đính, cũng là người từng quen biết trung tá Les Kosem trong những khóa quân sự ở Pháp, đứng ra lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm.

Vụ đảo chánh Ngô Đình Diệm đã đưa thế cờ chính trị Việt Nam vào một khúc quanh mới. Lợi dụng cơ hội này, một số sĩ quan hoàng gia Cao Miên gốc Kampuchia Krom và Chăm tập trung các thành viên ái quốc để thành lập một mặt trận gọi là “Front Unifié de Lutte des Races Opprimées”, viết tắt là *Fulro* (Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Các Dân Tộc Bị Áp Bức). *Fulro* là một tổ chức liên hiệp gồm ba mặt trận :

- “Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Krom”, tức là lãnh thổ trước kia của vương quốc Cao Miên, chạy dài từ Sài Gòn đến mũi Cà Mau.

- “Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Bắc”, tức là khu vực Champasak ở nước Lào, trước kia cũng là lãnh thổ của Champa và Kampuchia.

- “Mặt trận giải phóng Champa”³⁴.

Sau cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963, đại tướng Dương Văn Minh quyết định trao trả tù binh chính trị dưới chế độ Ngô Đình Diệm, trong đó có Paul Nur, thành viên *Bajarak*. Đồng thời ông ta sẵn sàng trao trả tự do cho Y Bham Enuol với điều kiện là Les Kosem chấp nhận đưa đại tá Nguyễn Chánh Thi về Sài Gòn. Thế là Y Bham Enuol hiện trong ngục giam ở Việt Nam trở thành con tin mà

³² Mayer, 971: 263.

³³ Tư liệu Fulro: 8-63.

³⁴ Hickey, 1982b: 90; Mayer, 1971: 269-271.

Les Kosem muốn trao đổi với đại tá Nguyễn Chánh Thi hiện đang lưu vong ở Cao Miên³⁵.

Đầu tháng 1 năm 1964, Y Sen Nie Kdam (gốc Radé), nhân viên an ninh của trung tướng Nguyễn Khánh sang Nam Vang lần thứ 2 gặp trung tá Les Kosem để bàn việc đại tá Nguyễn Chánh Thi trở về Việt Nam³⁶. Giữa tháng 1 năm 1964, Les Kosem chấp nhận trao trả tự do cho đại tá Nguyễn Chánh Thi, vì trung tướng Nguyễn Khánh hứa sẽ đưa Y Bham Enoul ra khỏi tù giam³⁷.

Vừa đến Việt Nam chưa đầy hai tuần lễ, đại tá Nguyễn Chánh Thi hợp lực với tướng Trần Thiện Khiêm và Nguyễn Khánh lật đổ chính quyền Dương Văn Minh vào ngày 29 tháng 1 năm 1964. Trong chính phủ mới, Nguyễn Khánh trở thành thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa³⁸.

Tháng 2 năm 1964, sau ngày chinh lý ở Sài Gòn, trung tá Les Kosem yêu cầu Nguyễn Khánh phải cứu xét hồ sơ Y Bham Enoul hiện còn trong tù giam, vì đại tá Nguyễn Chánh Thi đã trở về Sài Gòn. Trung tướng Nguyễn Khánh, vì tôn trọng lời hứa của mình, ra lệnh trao trả tự do cho Y Bham Enoul ngày 1 tháng 2 năm 1964³⁹. Vào tháng 3 năm 1964, Les Kosem, qua trung gian của một số thành viên *Bajaraka* đã từng gặp ông ta ở thủ đô Nam Vang, tìm cách thuyết phục Y Bham Enoul sang Cao Miên để tiếp tục đấu tranh cho chính nghĩa của Cao Nguyên⁴⁰.

Vào thượng tuần tháng 3 năm 1964, Y Bham Enoul gọi ông Y Klong Nie sang gặp trung tá Les Kosem tại bờ sông Dam ở biên giới Việt-Miên. Trong cuộc gặp gỡ này, Y Klong Nie yêu cầu trung tá Les Kosem phải làm thế nào để bảo vệ tánh mạng cho các nhà lãnh đạo của phong trào *Bajaraka* nếu họ bị cảnh sát Việt Nam lùng bắt và truy nã một lần nữa.

Sau cuộc gặp mặt, trung tá Les Kosem có nhờ Y Klong Nie mang một bức thư trả lời của ông ta để giao tận tay Y Bham Enoul.

³⁵ Tư liệu Fulro: 11-63; Duncanson, 1966: 342-354; Hickey, 1982: 91.

³⁶ Hickey, 1982b: 92.

³⁷ Tư liệu Fulro: 1-64.

³⁸ Tư liệu Fulro: 1-64; Hickey, 2002: 109; Pike, 1966: 347-348.

³⁹ Tư liệu Fulro: 2-64; Hickey, 1982b: 94; Hickey, 2002: 110.

⁴⁰ Tư liệu Fulro: 3-64.

Trong bức thư này, trung tá Les Kosem bày tỏ lòng ngưỡng mộ của ông ta đối với sự hy sinh cao cả của ông Y Bham Enoul cho lý tưởng dân tộc, một người mà Les Kosem luôn luôn xem như là bậc đàn anh Champa (grand frère du Champa). Sau cùng, Les Kosem có hứa là sẽ tìm bất cứ giải pháp nào để giúp đỡ thành viên *Bajaraká* và Y Bham Enoul sang Cao Miên, nếu tình hình chính trị ở Việt Nam đưa họ vào con đường bế tắc⁴¹.

Vào tháng 6 năm 1964, ba nhân vật quan trọng của *Bajaraká* hiện đang tại chức trong trại lực lượng đặc biệt ở Buôn Sarpa là Y Dhor Adrong, Y Nhuin Hmok và thiếu úy Y Nham Eban sang Cao Miên gặp trung tá Les Kosem và đại tá Um Savuth tại căn cứ quân sự Camp le Rolland thuộc tỉnh Monduliri, gần biên giới Việt-Miên. Đại tá Um Savuth, gốc người Kampuchia Krom là một nhân vật chính yếu trong guồng máy chính trị của *Fulro*. Mọi quyết định chính trị và quân sự liên quan đến mặt trận Kampuchia Krom đều nằm ở trong tay ông ta⁴². Trong cuộc gặp mặt này, trung tá Les Kosem giải thích rằng, muốn tiến đến mục tiêu nhanh chóng để giải phóng Cao Nguyên ra khỏi gong cùm của chế độ Sài Gòn, thì cuộc đấu tranh của anh em Cao Nguyên phải dựa trên một yếu tố lịch sử vững chắc, có thể các quốc gia trên thế giới mới dám ra mặt để yểm trợ cho mình. Nếu mục tiêu của *Bajaraká* chỉ yêu cầu chính phủ Việt Nam giải quyết những yêu sách chỉ liên qua đến người Thượng, thì không có quốc gia thứ ba nào dám đứng ra làm hậu thuẫn, vì một số quốc gia trên thế giới cũng có dân tộc Thượng. Theo trung tá Les Kosem, tất cả anh em Cao Nguyên đều là thân dân của vương quốc Champa thời trước, tại sao chúng ta không tập trung lực lượng để thành lập một mặt trận chung đó là “Mặt Trận Giải Phóng Champa”, một thành viên của mặt trận *Fulro*⁴³.

Trong cuộc gặp mặt này, Y Dhor Adrong, Y Nhuin Hmok và Y Nham Eban chấp nhận đưa các thành viên *Bajaraká* gia nhập vào một tổ chức chung đó là Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro⁴⁴. Để chứng minh cho sự liên minh chính trị này, phái đoàn *Bajaraká*, trung tá Les

⁴¹ Tư liệu Fulro: 3-64; Hickey, 1982b: 94.

⁴² Hickey, 1982b: 98.

⁴³ Tư liệu Fulro: 6-64; Nguyễn Trắc Di, 1969b: 22.

⁴⁴ Tư liệu Fulro: 6-64.

Kosem và trung tá Um Savuth bắt đầu phát họa lá cờ của *Fulro* đầu tiên gồm có ba sọc màu xanh biển, màu đỏ và xanh lá cây. Trên sọc màu đỏ có 3 ngôi sao màu trắng. Ba sọc của lá cờ tượng trưng cho ba mặt trận của *Fulro*, đó là “Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Krom”, “Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Bắc” và “Mặt Trận Giải Phóng Champa”. Ba ngôi sao nằm trên sọc đỏ tượng trưng cho sự đoàn kết của ba dân tộc: dân tộc Kampuchia, dân tộc Cao Nguyên và dân tộc Chăm⁴⁵.

Để đánh dấu cho sự ra đời của mặt trận này, phái đoàn *Bajarak* của Y Dhor Adrong, Y Nhuin Hmok, Y Nham Eban cùng với trung tá Um Savuth và Les Kosem quyết định chọn ngày 20 tháng 9 năm 1964 là ngày vùng dậy của mặt trận *Fulro* ở Buôn Sarpa, sau đó tiến quân tấn công khu vực Cao Nguyên để đưa Y Bham Enuol sang Cao Miên⁴⁶.

Fulro vùng dậy ở Buôn Sarpa 20-9-1964

Từ hậu cứ ở Camp le Rolland nằm ở biên giới Việt-Miên, trung tá Les Kosem và Um Savuth với sự cộng tác của ông Y Dhor Adrong (gốc Radé) và Y Nhuin (gốc Radé) ra lệnh cho lực lượng *Fulro* phát cờ vùng dậy. Theo C. Meyer⁴⁷, sự vùng dậy này đã chuẩn bị từ lâu đặt dưới quyền cố vấn của đại tướng Lon Nol, đệ nhất phó thủ tướng hoàng gia Cao Miên thời đó.

Tại cứ điểm quân sự Buôn Sarpa, lúc 10 giờ đêm ngày 19 tháng 9 năm 1964, Les Kosem ra lệnh cho một đại diện *Fulro* đến gặp ông đại úy Mỹ là Charles Darnell, tư lệnh của căn cứ này, để thông báo với ông ta rằng tối nay có biến cố quân sự vô cùng quan trọng, nhưng biến cố này không liên hệ gì với quân đội Mỹ ở trong trại này⁴⁸.

Đúng 1 giờ sáng ngày 20 tháng 9 năm 1964, vào khoảng 3.000 quân *Fulro* nổ súng đầu tiên để báo hiệu cho chiến dịch tổng tấn công Cao Nguyên. Chỉ vài giờ sau, lực lượng *Fulro* tiêu diệt toàn diện quân địch, làm chủ tình hình cứ điểm quân sự Buôn Sarpa. Sáu lính Mỹ,

⁴⁵ Tư liệu Fulro: 6-64; Hickey, 1982b: 97.

⁴⁶ Tư liệu Fulro: 6-64; Tư liệu Fulro: 8-64; Hickey, 1982b: 97.

⁴⁷ C. Meyer, 1971: 269.

⁴⁸ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 99; Vinh Lộc, 1965: 34.

trong đó có đại úy Charles Darnell bị bắt làm tù binh. Y Dhor Adrong phát cờ *Fulro* để chào mừng sự chiến thắng và đọc bản tuyên ngôn trước tù binh người Kinh và Mỹ nhằm nhấn mạnh rằng *Fulro* là một mặt trận đấu tranh đạt mục tiêu duy nhất đó là giải phóng lãnh thổ Cao Nguyên Champa và Kampuchia Krom bị Việt Nam chiếm đóng. Bản tuyên ngôn được ký tên bởi ba lãnh tụ tối cao của tổ chức đó là Châu Dara nhân danh dân tộc Kampuchia Krom, Y Bham Enoul dân tộc Cao Nguyên và Po Nagar (biệt danh của Les Kosem) dân tộc Chăm⁴⁹.

Cùng một lúc với sự vùng dậy ở căn cứ Buôn Sarpa, lực lượng *Fulro* tấn công các căn cứ quân sự khác ở Bu Prang, Ban Don, Buôn Mi Ga, Buôn Brieng, v.v.⁵⁰.

Y Bham Enuol sang Cao Miên

Sau khi đã dẹp xong lực lượng đối phương ở căn cứ Buôn Sarpa, *Fulro* tiến quân về thị xã Đắc Lắc. Vào lúc 7 giờ sáng cùng ngày 20 tháng 9 năm 1964, lực lượng *Fulro* tấn công Buôn Mê Thuột và sau đó chiếm đài phát thanh của thành phố này. Một nhóm khác đi chuyển bằng xe jeep chạy thẳng về tư dinh của ông Y Bham Enoul để đưa ông ta về căn cứ quân sự Buôn Sarpa, sau đó dùng đường bộ để vượt biên giới sang gặp trung tá Les Kosem hiện có mặt ở căn cứ chỉ huy *Fulro* nằm gần biên giới Việt-Miên⁵¹.

Theo chuẩn tướng Vinh Lộc, tư lệnh quân đoàn II và Nguyễn Trắc Dì, nhóm *Fulro* giết toàn bộ lực lượng đặc biệt người Kinh ở căn cứ Sarpa, sau đó tiến quân đến Buôn Mê Thuột bắt cóc Y Bham Enoul đem về Cao Miên⁵². Lập luận của Vinh Lộc và Nguyễn Trắc Dì cho rằng Y Bham Enuol bị ép buộc sang Cao Miên, đó là lối hành văn để tuyên truyền của chính phủ Sài Gòn thì đúng hơn. Ông Y Bham Enuol đã từng liên lạc với trung tá Les Kosem để bày tỏ quan điểm là ông ta sẽ sang Cao Miên để tham gia mặt trận *Fulro* trước khi biến cố ở Buôn Sarpa xảy ra.

⁴⁹ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 99-100; Hickey, 2002:153.

⁵⁰ Sochurek, 1965: 38-65; Vinh Lộc, 1965: 54.

⁵¹ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 101-102.

⁵² Vinh Lộc, 1965: 53-54; Nguyễn Trắc Dì, 1969a: 20.

Đài phát thanh Buôn Mê Thuật loan tin yêu sách Fulro

Sau khi chiếm đài phát thanh, lực lượng *Fulro* rải truyền đơn khắp thành phố Buôn Mê Thuật. Truyền đơn mang chữ ký của 3 lãnh tụ : Y Bham Enoul, Les Kosem và Châu Dara với nội dung yêu cầu chính phủ Sài Gòn phải giải quyết cấp thời những yêu sách sau đây :

1. Cần có đại diện dân tộc thiểu số trong chính phủ.
2. Chống việc đưa binh sĩ thiểu số đi phục vụ nơi khác.
3. Thực hiện chính sách đoàn kết và bình đẳng trong tổ chức quân đội.
4. Trao trả lại đất đai của dân tộc thiểu số mà người Kinh đã chiếm cứ bất hợp pháp⁵³.

Vai trò của Mỹ trong biến cố Buôn Sarpa

Nghe tin *Fulro* vùng dậy ở Cao Nguyên, buổi chiều ngày 20 tháng 9 năm 1964, ông George Tanham của Rand Corporation (cơ quan tình báo quân đội Mỹ) gặp ngay ông đại sứ Hoa Kỳ là Maxwell Taylor ở Sài Gòn và có sự hiện diện của đại tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt Nam, để bàn về nguyên nhân của sự vùng dậy này và nhất là tương lai của tù binh Mỹ ở Buôn Sarpa⁵⁴.

Sáng hôm sau, ngày 21 tháng 9 năm 1964, tỉnh lỵ Buôn Mê Thuật trở thành một nghĩa trang vắng bóng người, không ai dám ra ngoài đường. Cộng đồng người Kinh xôn xao và sợ hãi trước biến cố quân sự này.

Cùng trong ngày 21 này, trung tá Mỹ là John Freund, cố vấn quân sự cho tư lệnh vùng II chiến thuật nhận lệnh sang căn cứ Buôn Sarpa để tìm con đường hòa giải với lực lượng *Fulro*. Vừa đến trại Sarpa, trung tá John Freund bị nhóm *Fulro* giam giữ để làm con tin. Từ hậu cứ Camp le Rolland ở biên giới Việt-Miên, Les Kosem liên hệ với trung tá John Freund để đưa ra một điều kiện duy nhất đó là *Fulro* sẵn sàng rút quân với điều kiện là tất cả người Kinh phải dời khỏi khu

⁵³ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 102; Nguyễn Trắc Di, 1969a: 21; Vinh Lộc, 1965: 58.

⁵⁴ Hickey, 1982b: 102.

vực Cao Nguyên, nếu không *Fulro* tiếp tục giam giữ tất cả tù binh Mỹ ở Sarpa cho đến khi chính phủ Mỹ giải đáp thỏa đáng nguyện vọng *Fulro*. Trung tá John Freund cho rằng đây là một yêu sách vô cùng khó khăn mà ông không có thẩm quyền để giải quyết⁵⁵.

Tại Sài Gòn, các cấp lãnh đạo của chính phủ Việt Nam vô cùng phẫn nộ khi nghe tin quốc kỳ *Fulro* tung bay khắp trên lãnh thổ Cao Nguyên. Thủ tướng Nguyễn Khánh là người đầu tiên đứng lên kết tội quân đội Mỹ nhúng tay vào cuộc vùng dậy này và hăm dọa rằng, nếu *Fulro* không rút quân ra khỏi Cao Nguyên, chính phủ Sài Gòn ra lệnh cho lực lượng không quân oanh tạc các cứ điểm mà *Fulro* chiếm đóng⁵⁶.

Từ hậu cứ, trung tá Les Kosem yêu cầu lực lượng *Fulro* phải kiên trì. Nếu quân đội Sài Gòn tấn công cứ điểm, thì *Fulro* có quyền dùng súng đạn để thanh toán tù binh Mỹ bị bắt làm con tin⁵⁷. Nghe tin này, đại tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt Nam, ra lệnh cho trung tướng Ben Sternberg đáp máy bay sang Cao Nguyên yêu cầu trung tướng Nguyễn Hữu Cồ không nên dùng giải pháp quân sự để đàn áp cuộc vùng dậy của *Fulro*. Trung tướng Ben Sternberg cho rằng mọi chiến lược quân sự nhằm tấn công *Fulro* có thể gây ra hậu quả vô cùng nguy hiểm cho tánh mạng của tù binh Mỹ bị bắt ở Buôn Sarpa⁵⁸.

Vào ngày 22 tháng 9 năm 1964, một phiên họp đặc biệt tại sứ quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn giữa ông đại sứ Maxwell Taylor và đại tướng William Westmoreland, với nhiều nhân viên cao cấp khác của Mỹ để nghiên cứu yêu sách *Fulro*. Sau phiên họp, Mỹ cho rằng những điều kiện của *Fulro* đưa ra có thể giải quyết qua con đường thương thuyết⁵⁹. Trong khi đó, các tướng lãnh Việt Nam ở vùng II chiến thuật, nhất là trung tướng Nguyễn Hữu Cồ, lên tiếng chính thức kết tội quân đội Mỹ đã nhúng tay vào cuộc vùng dậy của *Fulro*. Theo trung tướng Nguyễn Hữu Cồ, «quân đội Mỹ là người đứng ra đào tạo lực lượng vũ trang thiếu số để rồi họ trở thành cán bộ *Fulro*. Chính vì thế, quân đội Mỹ

⁵⁵ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 103,105; Hickey, 2002: 157.

⁵⁶ Hickey, 1964: 103.

⁵⁷ Tư liệu Fulro: 64-9.

⁵⁸ Hickey, 1982b: 103.

⁵⁹ Hickey, 1982b: 103.

không dám tấn công *Fulro*. Quân đội Mỹ cũng như thực dân Pháp, là dân da trắng luôn luôn xem người Thượng là những nhân vật thần tượng. Ngược lại, người Việt không bao giờ có cảm giác này»⁶⁰.

Trong suốt ngày 22 tháng 9 năm 1964, lực lượng *Fulro* vẫn còn làm chủ tình hình trong một số khu vực ở Buôn Mê Thuột. Dân chúng người Kinh hoảng sợ không dám ra đường. Riêng về trung tướng Nguyễn Hữu Có, ông ta ra lệnh cho lực lượng không quân ở vùng II chiến thuật ở trong tình trạng báo động và sẵn sàng tấn công *Fulro*⁶¹.

Áp lực của trung tá Les Kosem

Cùng vào ngày 22 tháng 9 năm 1964, trung tá Les Kosem, từ hậu cứ Camp de Rolland đề nghị với thủ tướng Nguyễn Khánh rằng chỉ có trung tướng Lê Văn Kim và trung tướng Tôn Thất Đình là hai người mà Les Kosem từng quen biết và tin tưởng nhất để đại diện cho chính phủ Sài Gòn nhằm giải quyết biến cố Buôn Sarpa trong giải pháp ôn hòa. Tiếc rằng hai tướng lãnh này lại bị quản thúc trong tù thất tại Đà Lạt sau ngày chính lý 29 tháng 01 năm 1964⁶².

Ngày 23 tháng 9 năm 1964, trung tướng Mỹ là Richard Deputy, tư lệnh chỉ huy chiến dịch “Operation Swichback” ở Cao Nguyên sang Buôn Mê Thuột để nghiên cứu biến cố vùng dậy của *Fulro*. Theo tướng Richard Deputy, tình hình không gì nguy ngập cho lắm vì ông Y Bham Enoul hiện đang ở hậu cứ với Les Kosem sẵn sàng thương thuyết với chính phủ Sài Gòn. Tuy nhiên, giải pháp thương thuyết này có thể xảy ra với điều kiện là:

1. *Fulro* phải cho phép trung tá Freund bị bắt giữ làm con tin có quyền liên lạc qua máy truyền tin với tư lệnh quân đội Mỹ ở Buôn Mê Thuột.

2. *Fulro* chấp nhận thả một tù binh Mỹ nào đó và tù binh này sẽ đến Buôn Mê Thuột bằng trực thăng để báo tin là trung tá Freund còn

⁶⁰ Hickey, 1982b: 104.

⁶¹ Kickey, 1982: 104.

⁶² Tư liệu Fulro: 9-64.

sống hay không⁶³.

Ngày 24 tháng 9 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đáp máy bay sang Buôn Mê Thuật để quan sát tình hình trực tiếp với cấp lãnh đạo quân sự ở vùng II chiến thuật. Nguyễn Khánh cho rằng sự hiện diện của ông ta ở Cao Nguyên hôm nay nhằm để chứng minh thái độ kiên nhẫn cuối cùng của ông đối với sự vùng dậy của *Fulro*. Thử theo lời yêu cầu của Les Kosem vào ngày 22 tháng 9 năm 1964, Nguyễn Khánh quyết định sẽ trả tự do cho trung tướng Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính để đại diện cho ông ta đến Buôn Mê Thuật tham dự cuộc thương thuyết với *Fulro*⁶⁴.

Chiều ngày 24 tháng 9 năm 1964, trung tướng Mỹ là Richard Deputy gặp mặt với trung tướng Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính từ Đà Lạt vừa sang. Sau phiên họp, ba nhân vật cùng kết luận rằng chính phủ Sài Gòn phải tổ chức một hội nghị tại Pleiku tập hợp tất cả đại diện dân tộc thiểu số miền Trung Việt Nam và phái đoàn *Fulro* để thảo luận chung nhằm tìm giải pháp ôn hòa cho biến cố này. Nếu giải pháp này không thành công, lúc đó chính phủ Sài Gòn có quyền dùng quân lực để đẩy lui lực lượng *Fulro*. Sau phiên họp, trung tướng Lê Văn Kim gọi điện thoại cho thủ tướng Nguyễn Khánh hiện có mặt ở Đà Lạt để tường trình dự án này⁶⁵.

Ngày 26 tháng 9 năm 1964, Y Bham Enoul, từ hậu cứ ở Cao Miên gửi một văn thư bằng tiếng Pháp cho chính phủ Sài Gòn với nội dung là chính quyền Sài Gòn chưa trả lời rõ ràng những yêu sách mà *Fulro* đã đưa ra vào ngày 20 tháng 9 năm 1964 tại Buôn Sarpa. Thêm vào đó, chính quyền Sài Gòn đề nghị *Fulro* tham dự hội đàm ở Pleiku nhưng ngày tháng chưa có quyết định rõ. Y Bham Enoul nêu rõ trong bức thư là *Fulro* sẽ có mặt trong đại hội ở Pleiku với điều kiện là tất cả dân tộc Kinh phải rời khỏi khu vực Buôn Mê Thuật⁶⁶.

Nguyễn Khánh hãm dọa tấn công Fulro

Cùng trong ngày 26 tháng 9 năm 1964, không biết vì lý do gì,

⁶³ Hickey, 1982b: 105.

⁶⁴ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 105.

⁶⁵ Hickey, 1982b: 105.

⁶⁶ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 105.

trung tướng Lê Văn Kim có lệnh phải về Đà Lạt gấp. Sau đó, thủ tướng Nguyễn Khánh bay sang Buôn Mê Thuật lần thứ 2 để bàn chuyện với thiếu tướng Tôn Thất Đính. Hoàn toàn gạt bỏ quan điểm của Mỹ, thủ tướng Nguyễn Khánh tuyên bố rằng chính phủ Sài Gòn sẽ dùng sức mạnh quân sự để trục xuất lực lượng *Fulro* ra khỏi Cao Nguyên. Không bao giờ có đại hội dân tộc ở Pleiku như Mỹ yêu cầu và cũng không bao giờ có sự nhượng bộ trước sự đòi hỏi của *Fulro*, nếu nhóm nổi loạn này không rút về hậu cứ và không trao trả tự do cho tù binh người Kinh bị *Fulro* bắt giữ vào ngày 20 tháng 9 năm 1964⁶⁷. Một khi nhận tin là Nguyễn Khánh hăm dọa ra lệnh tấn công *Fulro*, trung tá Les Kosem từ hậu cứ liên lạc qua đường dây truyền tin với trung tá John Freund bị *Fulro* giam giữ tại căn cứ Buôn Sarpa. Sau đó, Les Kosem cho phép trung tá John Freund điện thoại cho trung tướng Richard Deputy, tư lệnh chỉ huy chiến dịch “Operation Swichback” cho biết là ông ta vẫn bình an và báo tin rằng thủ tướng Nguyễn Khánh đã quyết định dùng quân lực để tấn công Buôn Sarpa vào lúc 9 giờ sáng ngày 27 tháng 9 năm 1964. Trong cuộc đàm thoại này, trung tá John Freund nhấn mạnh rằng trung tá Les Kosem đã khẳng định là không ai có thể đo lường được hành động *Fulro* đối với tù binh Mỹ nếu chính phủ Sài Gòn tấn công căn cứ Sarpa⁶⁸.

Thương thuyết giữa tướng Richard Deputy và Les Kosem

Được tin tức từ trung tá John Freund, trung tướng Richard Deputy triệu tập phiên họp đặc biệt cùng vào ngày 26 tháng 9 năm 1964 với bộ chỉ huy của ông ta. Trong phiên họp, ông ta bày tỏ lòng phân nộ của mình đối với chính quyền Sài Gòn không trung thành với lời hứa là không bao giờ dùng sức mạnh quân sự để giải quyết vấn đề *Fulro*. Theo ông ta, tấn công căn cứ Buôn Sarpa sẽ tai hại vô cùng quan trọng đến tánh mạng của tù binh Mỹ và hàng trăm tù binh Sài Gòn mà *Fulro* đang giam giữ trong khu vực này. Vì Les Kosem đã cho biết mọi chiến lược quân sự của Sài Gòn nhằm chống lại lực lượng *Fulro* chỉ là một giải pháp biến khu vực Cao Nguyên thành chiến trường đổ máu. Trung tướng Richard Deputy tự đặt câu hỏi có chăng

⁶⁷ Hickey, 1982b: 105.

⁶⁸ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 106-107.

sự hăm dọa của thủ tướng Nguyễn Khánh chỉ là một chiến lược nhằm đưa quân đội Mỹ đến chỗ quyết định chấm dứt mọi sự yểm trợ của Mỹ cho *Fulro*⁶⁹.

Để tranh thủ thời gian, vì Nguyễn Khánh đã quyết định tấn công Buôn Sarpa vào ngày 27 tháng 9 năm 1964, trung tướng Richard Deputy quyết định chính ông ta là người sẽ đến Buôn Sarpa để giải quyết vấn đề tù binh Mỹ trước 9 giờ sáng ngày 27 tháng 9 năm 1964. Sau đó ông ta điện thoại cho thủ tướng Nguyễn Khánh và ông Nguyễn Khánh chấp nhận giải pháp này.

Riêng về Les Kosem, ông ta cho biết là không trở ngại gì nếu trung tướng Richard Deputy đích thân đến Sarpa để giải quyết vấn đề. Lúc 7 giờ 46 buổi sáng ngày 27 tháng 9 năm 1965, trung tướng Richard Deputy và thiếu tá Touprong Ya Ba (gốc Churu) đến Buôn Sarpa dùng chính sách thương thuyết để giải tỏa các tù binh Mỹ. Trong cuộc thương thuyết này, trung tướng Richard Deputy hứa là quân đội Mỹ sẽ dùng mọi áp lực của mình để đưa chính phủ Sài Gòn giải quyết yêu sách của *Fulro*. Sau ngày 27 tháng 9 năm 1964, Les Kosem chấp nhận trao trả tù binh Mỹ và ra lệnh cho lực lượng *Fulro*, khoảng 2000 người dưới quyền chỉ huy của Y Dơn Adrong rời khỏi Buôn Sarpa về hậu cứ ở tỉnh Mondulkiri của Cao Miên⁷⁰.

Quan điểm của Nguyễn Khánh đối với Fulro

Ngày 2 tháng 10 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh chủ tọa phiên họp dành riêng cho các cấp lãnh đạo tối cao của nhà nước ở Dinh Độc Lập. Trong phiên họp này, Nguyễn Khánh đưa ra ba kết luận:

1. Sự vùng dậy của *Fulro* phải có sự yểm trợ của Mỹ. CIA là cơ quan đứng ra đào tạo lực lượng đặc biệt gần 20.000 sĩ quan và quân lính từ năm 1963 mà đa số là sắc dân Cao Nguyên. Chính lực lượng đặc biệt này đã nhúng tay vào cuộc vùng dậy *Fulro* vào ngày 20 tháng 9 năm 1964.

2. Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro mà Les Kosem và Y

⁶⁹ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 106-107.

⁷⁰ Tư liệu Fulro: 9-64; Hickey, 1982b: 106-107; Jaspán, 1970: 170-176; Berchett, 1970: 132-134.

Bham Enoul đứng ra hô hào phải có sự hỗ trợ của nước ngoài, nhất là chính phủ hoàng gia Norodom Sihanouk, trong đó đồng thời cũng có sự nhúng tay của Hà Nội, từ khi quân đội cộng sản có mặt ở Cao Miên.

3. Sự hình thành Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro do Y Bham Enoul làm chủ tịch đã chứng minh một cách cụ thể *Fulro* không phải là vấn đề của người Thượng ở Cao Nguyên nữa, đó là một tổ chức chính trị do một số người Chăm chủ trương nhằm lôi kéo các dân tộc Cao Nguyên giúp đỡ người Chăm trong dự án giải phóng vương quốc Champa của họ. Đây là một hiện tượng chính trị vô cùng quan trọng có thể chinh phục lực lượng thế giới bên ngoài nhằm kết tội người Việt là kẻ xâm lược, chiếm đất đai Champa, từ Quảng Bình đến Sài Gòn.

Trước dữ kiện lịch sử này, Nguyễn Khánh yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải tìm mọi biện pháp nhằm tách rời dân tộc Cao Nguyên ra khỏi ý thức hệ lịch sử Champa bằng giải pháp luôn luôn tuyên truyền rằng, vấn đề Champa là của người Chăm không có liên hệ gì với dân tộc Cao Nguyên. Mọi văn thư chính thức của Y Bham Enoul với tư cách là chủ tịch của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro gửi đến Việt Nam đều sửa đổi thành chủ tịch mặt trận *Fulro*, mặc dù ai cũng biết Y Bham Enoul không phải là chủ tịch của mặt trận này, ông ta là đệ nhất phó chủ tịch mà thôi. Hay nói một cách khác, các cơ quan tuyên truyền và báo chí trong nước không nên nhắc đến tên Champa, vì danh từ này sẽ gây bao hoang mang trong quần chúng. Sau cùng, Nguyễn Khánh kết luận rằng mọi thành công trong chiến dịch chống lại Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro là chính phủ Sài Gòn không công nhận Mặt Trận Champa này, nhưng chỉ công nhận *Fulro* là phong trào của sắc dân Thượng đòi tự trị ở Cao Nguyên mà thôi, chứ không phải là phong trào đòi tự trị ở Cao Nguyên Champa. Thêm vào đó, chính phủ Sài Gòn còn tìm mọi giải pháp nhằm tách rời các lãnh tụ Cao Nguyên ra khỏi Mặt Trận Champa, bằng cách tung tin tức hàng loạt cho rằng ông Y Bham Enoul chỉ là con cờ của trung tá Les Kosem gốc người Chăm Cao Miên, trong chiến lược giải phóng vương quốc Champa của ông ta. Vì các dân tộc Cao Nguyên không có liên hệ gì với danh xưng lịch sử Champa này⁷¹.

⁷¹ Tư liệu Fulro: 10-64; Hickey, 1982b: 110.

Chính phủ Mỹ bắt đầu quan tâm đến Fulro

Ngày 5 tháng 10 năm 1964, George W. Ball, phó bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ có viết một văn thư mật đệ trình cho các ông Dean Rusk (bộ trưởng Ngoại Giao), Robert MacNamara (bộ trưởng Quốc Phòng), MacGeorge Bundy (cố vấn an ninh của tổng thống Johnson) để trình bày quan điểm của ông ta về tình hình chính trị ở Việt Nam đang đi vào một khúc quanh mới từ ngày ra đời của Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro⁷².

Fulro yêu cầu Mỹ phải thực hiện lời hứa

Sau ngày trao trả tù binh Mỹ ở Buôn Sarpa vào 27 tháng 9 năm 1964, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro do Y Bham Enuol lãnh đạo yêu cầu trung tướng Richard Deputy phải thực hiện lời hứa là can thiệp với chính quyền Sài Gòn phải giải quyết yêu sách của Fulro. Vì sức ép của Mỹ, chính phủ Sài Gòn chấp nhận tổ chức một đại hội dân tộc ở Pleiku ngày 15 tháng 10 năm 1964, với sự tham dự của phái đoàn Fulro và 80 người đại diện cho các sắc tộc thiểu số ở miền Trung Việt Nam dưới sự chủ tọa của trung tướng Nguyễn Hữu Cồ. Trong đại hội này, có sự hiện diện một số thành viên phong trào Bajaraka như Paul Nư, Nay Luett, Touprong Hiou, Touprong Ya Ba, Touneh Hàn Thọ, v.v. Nhân dịp đại hội này, chính quyền Sài Gòn ra lệnh treo hàng loạt bích chương trong thành phố Pleiku với khẩu hiệu: «Kinh Thượng đoàn kết chống lại chính sách trung lập, chống cộng sản và chống sự nhúng tay của nước ngoài vào nội bộ Việt Nam». Bích chương có ẩn ý nhằm ám chỉ chính phủ hoàng gia Norodom Sihanouk và quan điểm trung lập hóa Đông Dương do Pháp đề nghị⁷³.

Để kết thúc đại hội này, Fulro đưa ra yêu sách gồm 8 điểm sau đây:

1. Tái lập lại quy chế “Hoàng Triều Cương Thổ”.
2. Tôn trọng tuyệt đối phong tục tập quán dân tộc thiểu số.
3. Tăng cường tổng số công chức gốc thiểu số trong các cơ quan

⁷² Ball, 1972: 36-50.

⁷³ Hickey, 1964: 111; Vinh Lộc, 1965: 60.

hành chánh Việt Nam.

4. Chấp nhận quyền sở hữu đất đai và tòa án phong tục của dân tộc thiểu số.

5. Phát triển chương trình giáo dục ngôn ngữ thiểu số trong các trường học.

6. Dành ưu đãi cho các sinh viên và học sinh thiểu số vào các trường phổ thông và chuyên ngành của chính phủ.

7. Dân tộc thiểu số có quyền nhận viện trợ từ nước ngoài.

8. Thành lập lực lượng quân sự riêng cho dân tộc thiểu số.

Sài Gòn chấp nhận 6 điểm trong yêu sách Fulro

Chiều ngày 16 tháng 10 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đến Pleiku để làm lễ bế mạc đại hội. Nhân dịp này, ông ta hứa rằng là chính phủ Sài Gòn sẽ cố gắng thực hiện những yêu sách mà *Fulro* đã đề ra, ngoại trừ điểm số 7 và 8. Thủ tướng Nguyễn Khánh cũng quyết định Nha Đặc Trách Thượng Vụ không thuộc Bộ Quốc Phòng nữa, nhưng đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của văn phòng phủ Thủ Tướng. Trung tá Touprong Ya Ba là giám đốc của Nha Đặc Trách Thượng Vụ này. Cùng trong dịp này, Nguyễn Khánh chấp nhận thành lập trung tâm huấn luyện cán bộ Thượng, trường thiếu sinh quân cho dân tộc thiểu số, dành ưu tiên cho sinh viên học sinh thiểu số được vào một số trường phổ thông và chuyên môn của chính phủ, như quốc gia hành chánh, trường sĩ quan Đà Lạt và Thủ Đức, v.v.⁷⁴

Sau ngày vùng dậy ở Buôn Sarpa vào năm 1964, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro đưa hàng loạt yêu sách, trong đó có 9 yêu sách quan trọng mà chúng tôi xin tóm tắt sau đây:

1. Tái lập lại quy chế Hoàng Triều Cương Thổ.

2. Thành lập Phủ Tổng Ủy Sắc Tộc tại Buôn Mê Thuột (phủ này có qui chế tự trị dựa trên nguyên tắc tổ chức của hành chánh của Pháp dành riêng cho quốc gia thuộc địa).

3. Thành lập lực lượng quân sự riêng của *Fulro*.

4. *Fulro* trực tiếp nhận viện trợ nước ngoài.

⁷⁴ Nguyễn Trắc Di, 1969a: 21; Vinh Lộc, 1965: 60; Hickey, 1982b: 112.

5. Chấp nhận *Fulro* có quốc kỳ riêng.
6. Đình chỉ theo dõi, bắt bố cán bộ và cảm tình viên *Fulro*. Trả tự do cho các tù binh chính trị hay cảm tình viên *Fulro* đang còn bị giam cầm.
7. *Fulro* có quyền tham gia ý kiến vào các quyết định của chính phủ Sài Gòn liên quan đến vấn đề dân tộc thiểu số.
8. Tôn trọng tuyệt đối phong tục tập quán dân tộc thiểu số và chấp nhận quyền sở hữu đất đai và tòa án phong tục của dân tộc thiểu số.
9. Phát triển chương trình giáo dục ngôn ngữ thiểu số trong các trường học; dành ưu đãi cho các sinh viên và học sinh thiểu số vào các trường phổ thông và chuyên ngành của chính phủ⁷⁵.

Trong suốt 10 năm đấu tranh bằng vũ lực mà hàng trăm chiến sĩ phải hy sinh xương máu của họ trên bãi chiến trường, tuy mặt trận *Fulro* không đạt được mục tiêu cuối cùng đó là Cao Nguyên Champa tự trị, nhưng mặt trận này cũng để lại một số thành tựu đáng kể mà chúng tôi xin tóm tắt dưới đây:

Dưới thời thủ tướng Nguyễn Khánh

Ngày 16 tháng 10 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh chấp nhận giải quyết một số yêu sách của *Fulro*, đó là quyết định Nha Đạc Trách Thượng Vụ không thuộc Bộ Quốc Phòng nữa, nhưng đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của văn phòng phủ thủ tướng; thành lập trung tâm huấn luyện cán bộ Thượng; trường thiếu sinh quân cho dân tộc thiểu số; dành ưu tiên cho sinh viên học sinh thiểu số được vào một số trường phổ thông và chuyên môn của chính phủ⁷⁶.

Dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa

1. Nhượng bộ đầu tiên của Sài Gòn

Sau ngày lật đổ thủ tướng Nguyễn Khánh 15 tháng 2 năm 1965, Nguyễn Văn Thiệu (Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia) Nguyễn

⁷⁵ Vinh Lộc, 1965: 60; Nguyễn Trắc Di, 1969: 51.

⁷⁶ Nguyễn Trắc Di, 1969a: 21; Vinh Lộc, 1965: 60; Hickey, 1982b: 112.

Cao Kỳ (Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương)⁷⁷, chấp nhận là *Fulro* có quyền thành lập một văn phòng thường trực gọi là «Délégation Spéciale et Officielle» (DSO-Fulro) ở Buôn Ale A, Buôn Mê Thuật⁷⁸, và chấp nhận thực hiện thêm những yêu sách của *Fulro* sau đây:

1. Áp dụng chính sách ưu đãi dành cho sinh viên và học sinh dân tộc thiểu số được vô các trường phổ thông và chuyên nghề.
2. Thành lập trường thiếu sinh quân dành cho con em dân tộc thiểu số ở Pleiku.
3. Bãi bỏ nghị định 1958 của Ngô Đình Diệm liên quan đến quyền chiếm đoạt đất đai của dân tộc thiểu số.
4. Một nghị định mới ký vào ngày 22 tháng 7 năm 1965 nhằm tái lập lại tòa án phong tục của dân tộc thiểu số mà ông Ngô Đình Diệm đã cấm đoán từ năm 1955.
5. Thành lập trường sư phạm dành cho dân tộc thiểu số sẽ có một trung tâm mới ở Buôn Mê Thuật do Mỹ đài thọ ngân sách.
6. Chấp thuận xây dựng một trường kỹ thuật mang tên là trường Y Út tại Buôn Mê Thuật dành cho học sinh dân tộc thiểu số.
7. Dành ưu đãi cho trí thức dân tộc thiểu số vào các khóa quốc gia hành chánh và tham sự hành chánh.
8. Chấp nhận thành lập các trường trung học dành cho con em dân tộc thiểu số ở cao nguyên và đồng bằng⁷⁹.

2. Bãi bỏ chế độ quân dịch

Sau vụ vùng dậy ở Cao Nguyên vào ngày 17 tháng 12 năm 1965 mà đa số thành viên *Fulro* là những người dân tộc thiểu số đi quân dịch đào ngũ, chính phủ Sài Gòn quyết định bãi bỏ quy chế quân dịch cho dân tộc thiểu số. Nếu không, chính phủ Việt Nam vô tình bỏ công đào tạo cán bộ quân sự để rồi họ trở về phục vụ cho *Fulro*⁸⁰

3. Sự ra đời Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ

Ngày 21 tháng 2 năm 1966, Sài Gòn cải biến Nha Đặc Trách

⁷⁷ Duncanson 1966: 349-351.

⁷⁸ Hickey, 1965: 135.

⁷⁹ Nguyễn Trắc Di, 1969a Hickey, 1982b: 135.

⁸⁰ Tư liệu Fulro: 12-65; Hickey, 1982b: 141.

Thượng Vụ thành Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ. Phủ này trực tiếp làm việc với hội đồng chính phủ để đưa ra những đề nghị thiết thực liên quan đến vấn đề dân tộc thiểu số ở miền Nam Việt Nam⁸¹.

4. Sắc luật 28/66

Ngày 22 tháng 7 năm 1966, thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ký sắc luật số 028/66 liên quan đến sự thành hình Quốc Hội Lập Hiến, có vai trò biên soạn hiến pháp của Đệ Nhị Cộng Hòa. Trong sắc luật này, *Fulro* có một số ghế trong Quốc Hội Lập Hiến⁸².

5. Thành lập văn phòng thường trực *Fulro*

Ngày 8 tháng 8 năm 1966, thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ký nghị định thành lập Văn Phòng Thường Trực *Fulro* tại Buôn ALe A, Buôn Mê Thuật, gọi là Délégation Spéciale et Officielle (DSO-*Fulro*). Lần đầu tiên, *Fulro* có một nhà đại biểu trên lãnh thổ Việt Nam⁸³.

6. Sự ra đời của Hội Đồng Sắc Tộc

Ngày 1 tháng 4 năm 1967, chính phủ Sài Gòn công bố chính thức nội dung hiến pháp mới của Đệ Nhị Cộng Hòa. Điều 66 của hiến pháp này quy định rằng, phó tổng thống kiêm chủ tịch Hội Đồng Sắc Tộc. Hội Đồng Sắc Tộc chỉ là cơ quan cố vấn cho chính quyền Sài Gòn⁸⁴.

7. Sự ra đời quy chế đặc biệt 33/67

Ngày 28 tháng 8 năm 1967 trung tướng Nguyễn Văn Thiệu (chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia) và thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ (chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương) ký một sắc luật số 0033/67 ban hành «quy chế riêng biệt» cho đồng bào thiểu số mà *Fulro* thường đòi hỏi và sắc luật số 0034/67 công nhận quyền sở hữu đất đai của đồng bào thiểu số mà yêu sách *Fulro* thường nhắc đến⁸⁵.

⁸¹ Hickey, 1982b: 144-145.

Tư liệu *Fulro*: 7-66; Hickey, 1982b: 154; Nguyễn Trắc Di, 1969a: 39.

⁸³ Tư liệu *Fulro*: 8-66; Hickey, 1982b: 154.

⁸⁴ Hickey, 1982b: 160.

⁸⁵ Hickey, 1982b: 16; Ngôn Vinh, 1995: 84.

8. *Hai Thượng Nghị Sĩ Fulro*

Ngày 3 tháng 9 năm 1967, Ksor Rot (Jarai) và Tôn Ái Liêng (Chăm Châu Đốc) đắc cử Thượng Nghị Viện với danh nghĩa *Fulro*⁸⁶.

9. *Một dân biểu Fulro*

Ngày 22 tháng 10 năm 1967, Y Wik Buon Ya được đắc cử dân biểu quốc hội với danh nghĩa *Fulro*⁸⁷.

10. *Sự ra đời của Bộ Phát Triển Sắc Tộc*

Dựa trên yêu sách của *Fulro* đòi thành lập Phủ Tổng Ủy Thiểu Số (tức là quy chế tự trị ở Cao Nguyên), tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận thành lập Bộ Phát Triển Sắc Tộc vào ngày 16 tháng 12 năm 1967 để thay thế cho Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ⁸⁸.

Tư Liệu Trích Dẫn

Ambassade du Vietnam aux USA,

Web ngày 11-2-2004.

Bản tin Champaka,

Số 2, tháng 4-2004.

Ball, George W.,

«Top Secret: The Prophecy the President Rejected», trong *Atlantic Monthly* 230, số 1, 1972.

Boulbet, J.,

«Le Miir, culture itinérante sur brûlis avec jachère forestière en pays Maa», trong *BEFEO*, LIII., fasc. 1, 1966, trang 77-98.

Burchett, Wilfred,

– *The Furtive War: The United States trong Vietnam and Laos*, New York, 1963.

– *Vietnam Will Win*, 2e ed., A Guardian Book, New York, 1970.

Butterfield, Foc,

«Vietnam Refugees Say Attacks on Communists Continue

⁸⁶ Hickey, 1982b: 164.

⁸⁷ Tư liệu Fulro: 10-67; Hickey, 1982b: 164.

⁸⁸ Tư liệu Fulro: 12-67; Hickey, 1982: 164.

- trong Highlands», trong *New York Time*, 1 June 1976.
- Buttinger, Joseph,
Vietnam: A Dragon Embattled, Frederick A. Praeger, New York, 2 vol., 1967.
- Bộ Kinh-Tế Quốc-Gia,
Việt-Nam Niên-Giám Thống-Kê, Saigon, 1953,
- Nguyễn Trắc Dì,
Tìm hiểu phong trào tranh đấu FULRO, 1958-1969, Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc, Saigon 1969.
- Chandra, Nayan,
 «Ieng Sary: Unite for our Contry», trong *Far East Economic Review*, số 25, 1979.
- Comité Administratif de l'Amicale des Peuples Austriens*,
 Agence Khmère de Presse, 19 Novembre 1965.
- Department of State,
A Threat to the Peace: Nord Viet-Nam's effort to Conquer South Viet-Nam, Department of State, Washington, 1981.
- Diloutremer et Hawas,
Annuaire des Etats-Associés: Cambodge, Laos, Vietnam, Paris, 1953.
- Duncanson, Dennis J.,
Gouvernement and revolution, Frederick A. Praeger, New York, 1966.
- Fall, Bernard,
 – *The Two Vietnam: A Policial and Military Analysis*, Frederick A. Praeger, New York, 1963.
 – *Viet-Nam Witness, 1953-1966*, Frederick A. Praeger, New York, 1966.
- Foreign Operation Administration,
Project Proposal and Approval Summary, TRANGM.S. Land Developpment, Saigon, 1967.
- François Tourane,
 «Vietnam, la jacquerie religieuse», trong *Le Point*, 22-4-2004, trang 54.
- Front de libération des Hauts Plateaux du Champa, *Historique*, Phnom-Penh, 1965.
- Extraits de l'histoire des hauts-plateaux du Centre Viet-Nam

Pays Montagnard du Sud-Indochinois, zone d'organisation, 1956.

Hickey, Gerald C.,

- *The Highland People of South Vietnam: Social and Economique Development*, The Rand Corporation, Santa Monica California, september 1967.
- *Son of the Mountains. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954*, Yale University, 1982a.
- *Free trong the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands 1954-1976*, New Haven and London, Yale University Press, 1982b
- *Window on a war, an anthropologist trong the Vietnam conflict*, Texas Tech University Press, 2002.

Inrasara,

Văn Hóa-Xã Hội Chăm. Nghiên cứu và đối thoại, Nhà Xuất Bản Văn Học, 2003. Lần đầu xuất bản 1999, Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội.

Jackson, Larry,

«The Vietnamese Revolution and the Montagnards», trong *Asian Survey* 9, số 5, 1969.

Jaspan, M. A.,

«Recent developments among the Chams of Indochina. The revival of Champa», trong *Asian Affairs* 57-2 (1970), trang 170-176.

Jata Aneh,

«Xin Hây Chám Dút», trong *Uớc Vọng* số 1, 1968.

Johnson, Alexis U.,

Communique of the United States Government, Saigon, 2-8-1965.

Kuno Knoebl, Victor Chrlei,

The face of war trong Viet-Nam, Frederick A. Praeger, New York, 1967.

La Brie, Norman C.,

FULRO: The History of Political Tension trong the South Vietnamese Highlands, Luận án Cao Học, Univerity of Massachusetts, 1971.

Lafont, P-B.,

- «L'Agriculture sur brûlis chez les Proto-indochinois des hauts-plateaux du centre Vietnam», trong *Les Cahiers d'Outre-Mer*, tome XX, 1967, trang 37-50.
- Lartéguy, Jean,
L'Adieu Saigon, Presses de la Cité, Paris, 1975.
- Lartéguy, Jean,
Un million de dollars le Viet, Raoul Solar, 1965.
- Le Haut-Comité du Front Unifié de Lutte de la Race Opprimée,
Gouvernement Provisoire des Hauts Plateaux du Champa, Zone libre, 17 octobre 1964.
- Lộ Trung Cán,
 «Xin Hãy Chấm Dứt: Quan điểm về cuộc tranh cử dân biểu người Chăm 1967», trong *Champak* số 1, 1999.
- Markham, James M.,
 «Montagnard Uprising Poses a Threat to Saigon Drive», trong *New York Time*, 2 novembre 1974.
- Martin, Frédérique,
 «Les paysans des “minorités ethniques” revendiquent leurs terres ancestrales. Hanôï face à la revolte des Montagnards», trong *Figaro*, 9-2-2001.
- Meyer, Charles,
Derrière le sourire khmer, Plon, Paris, 1971.
- Michigan State University Vietnam Advisory Group, *Preliminary Research Report on the PMS*, Saigon 1957.
- Migozzi, J.,
Cambodge : faits et problèmes de population, Paris, Ed. du CNRS, 1973.
- Mohr, Charles,
 «Vietnamese Fear a Tribal Uprising», trong *New York Times*, 13 april 1966.
- Montagnard Fondation*, Web du 11 avril 2004.
- National Institute of Administration,
Viet Nam Government Organisation Manual, Saigon, 1957-1958.
- New Straits Times,
 – «Hill People Stage Protest trong Vietnam», 2-2-2001.
 – «Tension Remains High trong Vietnam», 10-2-2001.

- «Don't Interfere, US Warned», 24-3-2001.
 - «Cambodia Mulls fate of fleeing Viet Minorities», 26-3-2001.
 - «Vietnam Military Comes Under fire», 27-3-2001.
 - «Hun Sen mulls US asylum offer», 28-3-2002.
 - «US to give asylum to 1.000 Vietnamese», 27-3-2002.
 - «Hun Sen allows Vietnamse refugees to go to US», 1-4-2002.
- Ngôn Vinh,
FULRO, Nhà Xuất Bản Văn Học, tái bản lần thứ ba, 1995.
- Nghiêm Dang,
 «The National Institute of Administration», trong *Vietnam: the First Five Years*, Michigan State Univesity Press, 1959.
- Nguyễn Trắc Di,
 – *Tim hiểu phong trao tranh đấu FULRO, 1958-1969*, Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc, Saigon 1969a.
 – «Nhật-ký các phong-trào tranh đấu của đồng bào Thượng», trong *Thượng Vụ*, số 17, 1969b.
 – *Hội-đồng các sắc-tộc. Một tân định-chế dân-chủ của đệ II cộng-hòa Việt-Nam*, Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc, 1970.
- Norodom Sihanouk,
 «Statement», *Courrier électronique*, Pyongyang, 14 avril 2004
- Olivier, G.,
Anthropologie des Cambodgiens, Paris, 1968.
- P. A.,
 «Le Fulro ou Les fils des Montagnes», trong *Le Mekong*, No. 5, 1994.
- Phan Hữu Dật (Chủ biên),
Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2001.
- Pike, Douglas,
Việt Công: The Organization and Techniques of the National Liberation Front of South Vietnam, Mass. M.I.T. Press, Cambridge, 1966.
- Ponchaud, F.,
Cambodia Year Zero, Holt, Rinehart and Winston, New York, 1977.

- Réalités cambodgiennes,
 «Gazette du Pays Khmer», số 636, 21-2-1969.
- Shaplen, Robert,
 «Nine Years after a Fateful Assassination: The Cult of Diem»,
 trong *New York Times Magazine*, 14 May 1972.
- Sochurek, Howard,
 «American Special Forces trong Action trong Vietnam», trong
National Geographic 127, số 1, 1965.
- Son Chhay,
 «Courrier électronique au Prince Norodome Sihanouk», Ref.
 SCO4/010, National Assembly, 11 avril 2004.
- South Vietnam National Front for Liberation,
Political Programme of the South Viet Nam, Giai Phong
 Publishing House, 1967.
- Tahyer, Nate,
 «Trails of Tears: Lost Montagnard Army Vows to Fight On»,
 trong *Far Eastern Review*, 10 september 1992.
- U.S.,
Study Urges Heavy Vietnam Aid, Washington Post, 2 June
 1976.
- U.S. Army,
Area Handbook for Vietnam, DA Pamphlet, Số 550-55, The
 American University, Government Printing Office, 1967.
- Vinh Lộc,
Cái gọi là "phong trào đòi tự trị" FULRO, Pleiku-Banmêthuôt,
 9-1965.
- VNA,
 Web, 22-4-2004.
- Y Bham Enoul,
 – *Le Président du Front de Libération Dega-Cham à Son
 Excellence, Monsieur le Président des Etats-Unis d'Amérique,*
Zone libérée, le 8 novembre 1965. -
 – *Relevé des Fautes très graves et des crimes commis par Y
 Kdrutrong Mlo selon les renseignements recueillis*, FULRO, 26
 Janvier 1968.
 – *Discours de S. E. Y Bham Enuôl, chef de délégation du FULRO,*
Agence Khmer de Presse, Phnom-Penh, số 5, 15 mars 1965.



Từ trái sang phải : Y Bham Enoul, Yang Neh (từ liệu Fulro 1967)



Quân đội Fulro gốc Tây Nguyên (từ liệu Fulro 1965)



Đại tá Les Kosem (từ liệu Fulro 1970)



Jaya Mrang (hàng đầu, đeo gương bên phải)
và thành viên Fulro Chăm Phan Rang-Phan Ri



Hàng đứng (từ trái sang phải) : Amin Thành, Đặng No, Đại Úy Souleiman,
Po Dharma, Tạ Lành, Lưu Văn Biền,
Hàng ngồi (từ trái sang phải) : Đồng Tập, Đàng Năng Nghịch
(Chiến khu II, Mondulkiri. Tư liệu Fulro 1969)